

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018

1. Thông tin chung về trường

1.1 Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được thành lập theo quyết định số 184/2002/QĐ-TTg ngày 25/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Khoa Y-Nha-Dược Trường Đại học Cần Thơ được thành lập từ năm 1979.

Qua hơn 38 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã thể hiện vai trò của mình trong cơ cấu mạng lưới các trường đại học toàn quốc nói chung, mạng lưới các trường đại học y dược nói riêng. Trường hiện có 6 khoa đào tạo, 2 trung tâm đào tạo và Bệnh viện trường với 2 mã ngành đào tạo nghiên cứu sinh, 8 ngành đào tạo cao học, 14 ngành chuyên khoa cấp II, 20 ngành chuyên khoa cấp I, 8 ngành Bác sĩ nội trú, 8 ngành đào tạo trình độ đại học để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng đồng bằng sông Cửu Long và các địa phương khác. Đặc biệt nhà trường đã chú trọng đến đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học và sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Địa chỉ trường: số 179 Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.ctump.edu.vn

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Đại học	
	GD chính qui	GDTX
Nhóm ngành VI	21 NCS, 125 CH, 7014 ĐH	3279 ĐH

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Trường xét tuyển kết quả Kỳ thi THPT quốc gia của ba môn Toán, Sinh và Hóa (không nhân hệ số). Nếu nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Hóa xét tuyển từ điểm cao xuống thấp theo chỉ tiêu.

2. Phương án tuyển sinh năm 2018

2.1. Tuyển sinh hệ chính quy

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh tốt nghiệp đã tốt nghiệp trung học phổ thông, có hộ khẩu thường trú thuộc vùng tuyển. Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp trung học phổ thông, có nguyện vọng học tại trường.

2.1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển thí sinh có hộ khẩu ở các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, miền Nam Trung bộ và Đông Nam bộ.

2.1.3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển kết quả Kỳ thi THPT quốc gia của ba môn Toán, Sinh và Hóa (không nhân hệ số). Nếu nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Toán xét tuyển từ điểm cao xuống thấp theo chỉ tiêu. Thí sinh là người nước ngoài xét tuyển kết quả học tập THPT và kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt.

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	CHỈ TIÊU
1	7720101	Y khoa	6 năm	640
2	7720110	Y học dự phòng	6 năm	120
3	7720115	Y học cổ truyền	6 năm	120
4	7720201	Dược học	5 năm	140
5	7720301	Điều dưỡng	4 năm	80
6	7720501	Răng hàm mặt	6 năm	80
7	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	4 năm	80
8	7720701	Y tế công cộng	4 năm	40
	Tổng cộng			1.300

Chỉ tiêu xét tuyển: **Khu vực ĐBSCL tối thiểu 85%, khu vực còn lại tối đa 15%** (trong đó có 410 đào tạo theo địa chỉ sử dụng theo đề án, nhu cầu các tỉnh vùng ĐBSCL..., 65 từ dự bị Dân tộc). Chỉ tiêu từng ngành có thể thay đổi 10% để phù hợp mức điểm chung của khối ngành.

Ngoài ra, **có 150 chỉ tiêu tuyển sinh ngành hiếm** theo quyết định 319 của Thủ tướng Chính phủ.

2.1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận ĐKXT

Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận

ĐKXT vào trường.

2.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT

- Mã trường: YCT
- Tổ hợp xét tuyển: Toán – Hóa – Sinh (Hóa và Sinh lấy điểm môn thi thành phần).
- Nếu nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Toán xét tuyển từ điểm cao xuống thấp theo chỉ tiêu.

2.1.7. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian: theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hình thức nhận ĐKXT: thí sinh nộp hồ sơ một trong ba hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc đăng ký trực tuyến.

Thí sinh đăng ký trực tiếp và qua đường bưu điện về Phòng Đào tạo đại học - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (số 179 Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ).

- Các điều kiện xét tuyển:

Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất);

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định bằng cách gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi đến trường bằng thư chuyển phát nhanh hay trực tiếp. Quá thời hạn, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác bổ sung.

2.1.8. Học phí dự kiến

- Mức học phí bình quân tối đa theo Quyết định 455/QĐ-TTg của chương trình đại trà là 19,2 triệu.
- Mức học phí đối với diện đào tạo theo nhu cầu xã hội trên cơ sở ký kết đào tạo theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP.

2.2. Tuyển sinh hệ liên thông chính quy và VLVH

Thực hiện Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ xây dựng phương án tuyển sinh liên thông đại học từ năm 2018, cụ thể:

2.2.1. Vùng tuyển sinh

Thí sinh có hộ khẩu hoặc cơ quan công tác thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

2.2.2 Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh là công dân Việt Nam đang làm việc tại các cơ sở y tế được tham gia tuyển sinh. Thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe tại Việt Nam phù hợp với ngành đăng ký dự thi.

2.2.3. Trình độ văn hóa và chuyên môn

a) Về trình độ văn hóa

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bổ túc văn hóa tương đương.

b) Về trình độ chuyên môn

- Thí sinh dự thi Y đa khoa phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Y sĩ hoặc Y sĩ đa khoa.

- Thí sinh dự thi Y học cổ truyền phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền hoặc Y sĩ định hướng Y học cổ truyền hoặc Y sĩ Y học dân tộc.

- Thí sinh dự thi Dược học phải có bằng tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng Dược sĩ.

- Thí sinh dự thi Cử nhân Điều dưỡng phải có bằng tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng Điều dưỡng, nếu tốt nghiệp Y sĩ trung cấp phải có thêm chứng chỉ đào tạo chuyển đổi thành Điều dưỡng trung cấp theo chương trình của Bộ Y tế do các cơ sở đào tạo (các trường trung cấp hoặc đại học) được Bộ Y tế cho phép cấp.

- Thí sinh dự thi Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Hộ sinh.

- Thí sinh dự thi Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Gây mê hồi sức, nếu tốt nghiệp trung cấp Điều dưỡng phải có thêm chứng chỉ Gây mê hồi sức do các cơ sở đào tạo cấp.

- Thí sinh dự thi Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học phải có bằng tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng Xét nghiệm y học.

2.2.4. Hình thức tuyển sinh

- Liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học: trường xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2018, thí sinh dự thi Kỳ thi THPT quốc gia kết quả của ba môn Toán, Hóa và Sinh (không nhân hệ số).

- Thí sinh tự nộp hồ sơ đăng ký dự thi kỳ thi THPT quốc gia tại Sở Giáo dục và Đào tạo theo qui định.

- Thí sinh nộp hồ sơ về Trường để đăng ký xét tuyển theo thông báo của trường.

Thí sinh dự tuyển phải có chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực y tế. Thí sinh làm việc trong cơ quan Nhà nước thuộc Sở Y tế hoặc cấp tương đương quản lý (gọi chung là Sở Y tế) nộp hồ sơ về Sở theo thông báo của trường. Sở Y tế lập danh sách cử đi dự tuyển liên thông về trường. Đối với thí sinh là người nước

ngoài xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe tại Việt Nam.

2.2.5. *Thâm niên chuyên môn*

Liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học: thí sinh có thời gian làm việc liên tục đúng ngành đào tạo **từ 12 tháng trở lên** (tính từ khi ký hợp đồng lao động hoặc có quyết định tuyển dụng tính đến ngày 01 tháng 7 hàng năm).

2.2.6 *Chỉ tiêu tuyển sinh*

Hệ liên thông chính quy:	290
- Y đa khoa:	170
- Y học cổ truyền:	60
- Dược học:	60
Hệ liên thông vừa làm vừa học:	290
- Điều dưỡng:	140
- Điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản:	50
- Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức:	20
- Kỹ thuật Xét nghiệm y học:	80

Trường tuyển sinh liên thông từ trung cấp và cao đẳng lên đại học các ngành: Dược học, Điều dưỡng, Xét nghiệm y học. Các ngành liên thông còn lại chỉ tuyển từ trung cấp lên đại học.

Chỉ tiêu đào tạo ưu tiên đào tạo theo nhu cầu của địa phương đăng ký với trường; đặc biệt cho tuyển y tế cơ sở, vùng biên giới, hải đảo, thí sinh công tác chuyên ngành hiếm.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. *Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng:*

- Tổng diện tích đất của trường: 30,95 ha.
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 25.278 m².

3.1.2 *Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị*

Cơ sở thực hành của trường có hơn 31 cơ sở trong đó có 14 Bệnh viện lớn và các bệnh viện chuyên khoa như: Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Đa khoa TƯ Cần Thơ, Đa khoa TP. Cần Thơ; Nhi đồng Cần Thơ, Phụ sản Cần Thơ, Ung bướu Cần Thơ, Da liễu Cần Thơ, Mắt-Răng hàm mặt, Lao và Bệnh phổi, Y học cổ truyền, Tâm thần, Đa khoa Vĩnh Long...; Trung tâm Y tế Dự phòng: Cần Thơ, Ninh Kiều, Ô Môn, Cái Răng, Trung tâm Y tế dự phòng Châu Thành, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi

trường Cần Thơ, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Chi cục Dân số-KHHGD, Chi cục Vệ sinh An toàn thực phẩm, các trạm y tế trong và ngoài thành phố Cần Thơ (có gần 250 giảng viên cơ hữu làm việc 100% thời gian ở các bệnh viện để giảng dạy lâm sàng cho sinh viên và tham gia công tác khám, chữa bệnh).

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành khoa học cơ bản	10	TTB hiện đại các BM Hóa, Lý sinh, Sinh - Di truyền, Tin học, Ngoại ngữ
2	Phòng thực hành tiền lâm sàng	08	Đầy đủ các chủng loại mô hình phục vụ giảng dạy mô phỏng Các mô hình từ đơn giản đến mô hình đa chức năng
3	Phòng thí nghiệm, thực hành	94	Phòng thí nghiệm, thực hành các môn cơ sở ngành các Khoa: Y, RHM, Dược, Điều dưỡng – KTYH, YTCC.

3.1.3. Thống kê phòng học

TT	Tên	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	11
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	48
3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	51
4	Phòng học từ dưới 50 chỗ	04
5	Phòng học đa phương tiện	03

Tất cả hội trường và phòng học được trang bị cố định máy tính, máy chiếu phục vụ giảng dạy và học tập.

3.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành VI	16.751

3.2 Giảng viên cơ hữu (Nhóm ngành VI)

Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
PGS	GS	ĐH	ThS+CKI	TS+CKII	TSKH
17	1	123	241	62	0

4. Tình hình việc làm (2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Năm	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
		ĐH	CD SP	ĐH	CD SP	ĐH	CDSP	Số lượng	Tỷ lệ
Nhóm ngành VI	2015	940		926		906		905	99,9
	2016	970		963		941		887	94,3
Tổng		1910		1889		1847		1792	97,0

5. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 302 tỷ đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 14,56 triệu đồng/sinh viên.

Nơi nhận:

- Các Đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: HCTH, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Trung Kiên